

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 212/2026/DS-ST

Ngày: 11-5-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Duy Suốt

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Gia Hân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ chi nhánh: Số H, Đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế C. địa chỉ: Ấp Đ, xã P, thành phố Cần Thơ. Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh V, sinh ngày 21/05/1986; số căn cước công dân 092086002007 cấp ngày 25-4-2021; địa chỉ thường trú: Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ngày 23/8/2024 ông Nguyễn Minh V ký với Công ty Cổ phần S (sau đây gọi là Công ty SI) hợp đồng số BHM240801022NA20X để cầm cố một xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE; biển kiểm soát: 65E1 - 473.16; số khung: 3914LY018456; số máy: JA39E1351958, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 024141 do Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05/3/2020 với số tiền 5.478.723 đồng; thời hạn cầm cố 06 tháng; lãi suất trong hạn: 1.1%/tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Do không có phương tiện phục vụ công việc cá nhân nên cùng

ngày 23/8/2024 ông V ký Thỏa thuận thuê tài sản và cam kết 06 tháng sau sẽ trả lại xe cho Công ty S1. Đồng thời, ông V trả chi phí thuê xe là 295.851 đồng/tháng. Quá trình cầm cố tài sản ông V không trả tiền theo hợp đồng và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Do đó, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Minh V thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/12/2025 theo Hợp đồng cầm cố số BHM240801022NA20X ngày 23/8/2024 là 11.303.519 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 5.478.723 đồng; nợ lãi trong hạn: 369.631 đồng; nợ lãi quá hạn: 849.750 đồng; phí mượn xe: 4.605.415 đồng.

Buộc ông Nguyễn Minh V tiếp tục chịu tiền lãi, các phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp ông Nguyễn Minh V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Công ty S1 yêu cầu phát mại tài sản cầm cố là xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE; biển kiểm soát: 65E1 - 473.16; số khung: 3914LY018456; số máy: JA39E1351958 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 024141 do Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05/3/2020.

Bị đơn ông Nguyễn Minh V vắng mặt, không cung cấp ý kiến.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn thanh toán phí thuê xe trong thời gian 06 tháng như thỏa thuận trong văn bản ngày 23/8/2024 đến ngày 23/02/2025, rút lại yêu cầu xử lý tài sản cầm cố. Đồng thời, giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn thanh toán nợ gốc, lãi của số tiền cầm cố tạm tính đến ngày 11/5/2026 là 7.177.218 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 5.478.723 đồng; nợ lãi trong hạn: 369.631 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.328.864 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền theo hợp đồng cầm cố đã ký; bị đơn có địa chỉ tại phường Ô, thành phố Cần Thơ nên quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng ông Nguyễn Minh V vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán phí mượn xe thời gian 06 tháng mà không yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm là trong phạm vi khởi kiện ban đầu. Đồng thời, nguyên đơn rút lại yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận về hình thức.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:* Ngày 23/8/2024 ông Nguyễn Minh V ký với Công ty S1 Hợp đồng BHM240801022NA20X về việc cầm cố một xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE; biển kiểm soát: 65E1 - 473.16; số khung: 3914LY018456; số máy: JA39E1351958, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 024141 do Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05/3/2020 để nhận số tiền 5.478.723 đồng. Theo đó, các bên thỏa thuận thời hạn cầm cố 06 tháng, lãi suất cầm cố 1.1%/tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Nhận thấy, các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận như trên là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền và mượn xe thì ông V không thanh toán tiền cho Công ty S1. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi là có căn cứ theo Điều 311 và Điều 314 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền nợ tạm tính từ ngày 23/8/2024 đến ngày 11/5/2026 là 7.177.218 đồng, trong đó: Nợ gốc chưa thanh toán: 5.478.723 đồng; nợ lãi trong hạn: 369.631 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.328.864 đồng.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán phí thuê xe mô tô, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Thỏa thuận thuê tài sản và phụ lục hợp đồng cầm cố tài sản cùng ngày 23/8/2024 thì ông V đồng ý để cho Công ty S1 cho thuê lại tài sản nhận cầm cố là xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE; biển kiểm soát: 65E1 - 473.16 thuộc quyền sở hữu của ông V. Theo đó, ông V ký thỏa thuận thuê lại xe ô tô này nên có nghĩa vụ thanh toán phí thuê xe cho Công ty S1 thời gian 06 tháng x 295.854,06 đồng/tháng = 1.775.106,36 đồng.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 310, 311, 314, 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ/HĐTP ngày 01/10/2019; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh V thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính từ ngày 23/8/2024 đến ngày 11/5/2026 theo Hợp đồng cầm cố BHM240801022NA20X ngày 23/8/2024 là 8.952.324,36 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 5.478.723 đồng; nợ lãi trong hạn: 369.631 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.328.864 đồng và 1.775.106,36 phí thuê xe.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất trong hợp đồng các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản cầm cố đối với xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE; biển kiểm soát: 65E1 - 473.16; số khung: 3914LY018456; số máy: JA39E1351958, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 024141 do Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05/3/2020.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003680 ngày 26/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

Bị đơn ông Nguyễn Minh V phải chịu 447.616 đồng, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Vĩnh Hạnh

Lê Duy Suốt

Nguyễn Thúy Quyên